

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN TRE  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2021/HSST

Ngày: 23/9/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Ngô Văn Trình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hiền;

2. Ông Phạm Quốc Hùng.

**-Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Phương Yên là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà:** Ông Trương Phạm Duy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2021, các Thông báo dời ngày xét xử số 03/TB-TA ngày 19 tháng 7 năm 2021, số 15/TB-TA ngày 16 tháng 8 năm 2021 và số 33/TB-TA ngày 30 tháng 8 năm 2021, đối với bị cáo:

**Tổng Văn T**, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: Khu phố BK, Phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Tổng Văn H, sinh năm 1971 và bà Hồ Ngọc T1, sinh năm 1972; Vợ: Lê Thị Thùy D, sinh năm 2000; Con: Có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 29/03/2021 cho đến nay. (Có mặt)

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Lê Tấn D1 – Văn phòng luật sư Lê Tấn D1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

**\* Bị hại:**

Ông Phạm Hữu D2, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: Khu phố BN, Phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Hà Thanh V, sinh năm 1987;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp HD, xã NM, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp;  
Chỗ ở hiện nay: Ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

\* *Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị Hoài X, sinh năm 1988;

Nơi cư trú: Ấp E, xã MT, huyện GT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

- Bà Lê Thị Thùy D, sinh năm 2000;

Nơi cư trú: Khu phố BK, Phường F, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 09/09/2020, bị cáo Tống Văn T điều khiển xe mô tô biển số 71B3-608.30 đi ngang qua quán nhậu Sáng Đêm ở ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre thì thấy bạn gái cũ tên Nguyễn Thị Hoài X đang ngồi nhậu cùng Phạm Hữu D2 và Hà Thanh V tại quán. Do ghen tuông với D2 nên bị cáo T về quán cà phê tại ấp C, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre lấy 01 con dao dùng để cắt kẹo dài 63 cm (cán dao bằng gỗ dài 18 cm, lưỡi dao bằng kim loại, màu xám dài 45cm) rồi quay lại quán Sáng Đêm. Khi đến nơi, bị cáo T xuống xe cầm dao xông vào chém D2, D2 dùng ghế đỡ thì bị bị cáo T chém trúng cẳng tay trái; D2 bỏ chạy thì bị té ngã, bị cáo T tiếp tục xông vào dùng dao chém nhiều nhất trúng vai trái, lưng và hông trái của D2 gây thương tích rồi ra xe đi về. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo T đến Công an thành phố Bến Tre đầu thú.

Vật chứng thu giữ:

- 01 ghế nhựa màu đỏ trắng (0,55m x 0,4m x 0,7m) tình trạng đã bị bể, gãy phần tựa tay bên trái và phần tựa lưng.

- 01 con dao dài khoảng 63 cm, cán dao bằng gỗ dài 18 cm, lưỡi dao bằng kim loại, màu xám dài 45 cm, chiều rộng 07 cm (do bị cáo T giao nộp).

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 254-1020/TgT ngày 09/10/2020 của Trung tâm pháp y tỉnh Bến Tre kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương 1/3 giữa mặt sau cẳng tay trái kích thước 08cm x 03cm, đứt toàn bộ gân – cơ duỗi cẳng tay gây: gãy hở không hoàn toàn 1/3 giữa hai xương cẳng tay, có 01 mảnh kim loại trong xương trụ.

+ Phẫu thuật:

Nội gân.

Nẹp bột cẳng – bàn tay.

+ Hiện:

Vết thương lành sẹo, kích thước 09cm x 0,1cm.

Bàn tay và các ngón tay gấp – duỗi bình thường.

+ Xquang cẳng tay trái (kiểm tra) ngày 02/10/2020: mẻ hai xương cẳng tay trái.

- Vết thương phần mềm mặt trên vai trái kích thước 08cm x 03cm đã lành sẹo, kích thước 06cm x 0,3cm.

- Vết thương vùng thắt lưng trái kích thước 12cm x 02cm đã lành sẹo, kích thước 13cm x 0,3 cm.

- Sây sát da hông trái kích thước 10cm x 0,1cm đã lành sẹo, kích thước 07cm x 0,2cm.

\* Cơ chế hình thành vết thương là do vật sắc – nhọn gây ra.

2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 11%.

Do bị hại D2 có đơn yêu cầu giám định lại thương tích nên ngày 05/11/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Bến Tre ra quyết định trưng cầu giám định lại thương tích đối với bị hại D2.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 5767/C09B ngày 02/12/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP Hồ Chí Minh kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 01 sẹo vùng cẳng tay trái, kích thước 09cm x 0,2cm.

- 01 sẹo vùng vai trái, kích thước 06cm x (0,1cm -> 0,7cm).

- 01 sẹo vùng thắt lưng, kích thước 06cm x 0,3cm.

- 01 sẹo vùng hông trái, kích thước 6,5cm x 0,2cm.

- Mẻ 1/3 dưới hai xương cẳng tay trái.

- Tổn thương nặng sợi trục trực dây thần kinh gian cột sau bên trái bán cấp (nhánh thần kinh quay).

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Phạm Hữu D2:

Đối chiếu với Bảng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích ban hành kèm theo Thông tư số 22/2019/TT-BYT, ngày 28.8.2019 của Bộ Y tế xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể của ông Phạm Hữu D2 như sau:

- Sẹo vùng cẳng tay trái: 02% (Chương 8, Mục I.2).

- Sẹo vùng vai trái: 02% (Chương 8, Mục I.2).

- Sẹo vùng thắt lưng: 02% (Chương 8, Mục I.2).

- Sẹo vùng hông trái: 02% (Chương 8, Mục I.2).

- Mẻ xương trụ cẳng tay trái: 02% (Chương 7, Nguyên tắc chung).

- Mẻ xương quay cẳng tay trái: 02% (Chương 7, Nguyên tắc chung).

- Tổn thương nặng sợi trục trực dây thần kinh gian cột sau bên trái bán cấp (nhánh thần kinh quay): 11% (Chương 1, Mục VII.3.14)

Áp dụng phương pháp xác định tỷ lệ tổn thương cơ thể, xác định tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra tại thời điểm giám định của ông Phạm Hữu D2 là: 21% (Hai mươi một phần trăm).

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 5766/C09B ngày 02/12/2020 của Phân viện Khoa học hình sự tại TP Hồ Chí Minh kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- 01 sẹo vùng cẳng tay trái, thẳng gọn.
- 01 sẹo vùng vai trái, thẳng gọn.
- 01 sẹo vùng thắt lưng, thẳng gọn.
- 01 sẹo vùng hông trái, thẳng gọn.
- Mề 1/3 dưới hai xương cẳng tay trái.

2. Cơ chế hình thành vết thương của ông Phạm Hữu D2:

- Các thương tích trên người của ông Phạm Hữu D2 là do vật sắc nhọn có trọng lượng lớn tác động gây ra.

Do có sự khác nhau giữa kết luận giám định lần đầu và kết luận giám định lại về cùng một nội dung giám định nên ngày 19/01/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Bến Tre ra quyết định trưng cầu giám định lại lần 2.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về thương tích lần II số 37/21/TgT ngày 25/02/2021 của Phân viện tại thành phố Hồ Chí Minh - Viện pháp y quốc gia kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo kích thước lớn vùng vai trái.
- Sẹo kích thước trung bình cẳng tay trái.
- Sẹo kích thước trung bình vùng lưng.
- Sẹo kích thước trung bình vùng hông trái.
- Mề 1/3 giữa hai xương cẳng tay trái.
- Tổn thương hoàn toàn nhánh thần kinh quay.

2. Kết luận:

2.1 Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019, của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, giám định Pháp y tâm thần, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể so thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Phạm Hữu D2 là: 21% (Hai mươi một phần trăm) theo nguyên tắc cộng tại Thông tư.

2.2 Căn cứ vào hồ sơ bệnh án số 9099/20 của Bệnh viện đa khoa Minh Đức cùng toàn bộ hồ sơ, tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre cung cấp vào ngày 20/01/2021, qua quá trình khám giám định và các kết quả cận lâm sàng vào ngày 18/02/2021, xác định các thương tích trên người của nạn nhân Phạm Hữu D2 nêu trên là do đã thương vào ngày 09/09/2020 gây ra.

2.3 Các thương tích trên của nạn nhân Phạm Hữu D2 là do vật sắc tác động trực tiếp vào vùng vai trái, cẳng tay trái, vùng lưng và hông trái gây nên.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSTPBT ngày 02 tháng 6 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo T về tội “Cố ý gây

thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Về tội danh và hình phạt chính: Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo T từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về biện pháp tư pháp: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 ghế nhựa màu đỏ trắng (0,55m x 0,4m x 0,7m) tình trạng đã bị bể, gãy phần tựa tay bên trái và phần tựa lưng do không còn giá trị sử dụng; 01 con dao dài khoảng 63 cm, cán dao bằng gỗ dài 18 cm, lưỡi dao bằng kim loại, màu xám dài 45 cm, chiều rộng 07 cm do đây là công cụ phạm tội.

+ Ghi nhận bị cáo T đã bồi thường trước cho bị hại D2 số tiền 43.000.000 đồng.

+ Buộc bị cáo T tiếp tục bồi thường cho bị hại D2 số tiền còn lại là 7.000.000 đồng.

Bị cáo T khai nhận vào khoảng 01 giờ ngày 09/09/2020, do ghen tuông với anh D2 nên bị cáo đã dùng 01 con dao dùng để cắt kẹo dài 63 cm (cán dao bằng gỗ dài 18 cm, lưỡi dao bằng kim loại, màu xám dài 45cm) xông vào chém anh D2, anh D2 dùng ghế đỡ thì bị bị cáo chém trúng cẳng tay trái; anh D2 bỏ chạy thì bị té ngã, bị cáo tiếp tục xông vào dùng dao chém nhiều nhất trúng vai trái, lưng và hông trái của anh D2 gây thương tích rồi ra về. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, bị cáo đến Công an thành phố Bến Tre đầu thú. Bị cáo đồng ý với kết luận giám định. Bị cáo đã bồi thường cho anh D2 43.000.000 đồng và đồng ý bồi thường số tiền còn lại là 7.000.000 đồng. Bị cáo không khiếu nại gì đối với hành vi của các cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng, xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo là luật sư Lê Tấn D1 trình bày lời bào chữa: Đồng ý với tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đã đề nghị đối với bị cáo. Về hoàn cảnh gia đình bị cáo thì rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, con bị cáo mới 03 tuổi, vợ bị cáo hiện không có việc làm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cho bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người

tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Việc vắng mặt của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, bị cáo T không có ý kiến gì, Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người tham gia tố tụng khác, kết quả thực nghiệm điều tra, kết quả giám định pháp y về tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại, kết quả định giá, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Mặc dù không có mâu thuẫn gì với bị hại D2 và do ghen tuông vô cớ nên vào khoảng 01 giờ ngày 09/09/2020, tại khu vực quán Sáng Đêm ở ấp A, xã SĐ, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo T đã có hành vi dùng dao (là hung khí nguy hiểm) chém nhiều nhát vào tay trái, vai trái, hông và lưng trái của bị hại D2 gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích là 21%.

[3] Bị cáo T là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã dùng dao là hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại D2 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 21%. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo T về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và khả năng lao động của bị hại hiện tại và về sau này. Hành vi của các bị cáo còn gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương nên cần xử lý nghiêm.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T được hưởng là tự nguyện khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú; bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đang có nghĩa vụ nuôi con nhỏ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy việc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 ghế nhựa màu đỏ trắng (0,55m x 0,4m x 0,7m) tình trạng đã bị bể, gãy phần tựa tay bên trái và phần tựa lưng do không còn giá trị sử dụng; 01 con

dao dài khoảng 63 cm, cán dao bằng gỗ dài 18 cm, lưỡi dao bằng kim loại, màu xám dài 45 cm, chiều rộng 07 cm do đây là công cụ phạm tội.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại D2 yêu cầu bị cáo T bồi thường với số tiền tổng cộng là 50.000.000 đồng, bị cáo T đã bồi thường trước 43.000.000 đồng nên được ghi nhận. Đối với số tiền bồi thường còn lại là 7.000.000 đồng, bị cáo T đồng ý bồi thường nên ghi nhận.

[8] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo; điều luật áp dụng; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo, đề nghị này không phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự và Nghị quyết 02/2018/NQ-TĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị cáo T phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Tổng Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Tổng Văn T 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) ghế nhựa màu đỏ trắng (0,55m x 0,4m x 0,7m) tình trạng đã bị bể, gãy phần tựa tay bên trái và phần tựa lưng; 01 (một) con dao dài khoảng 63 cm, cán dao bằng gỗ dài 18 cm, lưỡi dao bằng kim loại, màu xám dài 45 cm, chiều rộng 07 cm.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/6/2021, hiện Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre đang giữ).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 468, 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận bị cáo Tổng Văn T đã bồi thường trước cho bị hại Phạm Hữu D2 số tiền 43.000.000 (bốn mươi ba triệu) đồng.

Buộc bị cáo Tổng Văn T tiếp tục bồi thường cho bị hại Phạm Hữu D2 số tiền còn lại là 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho

đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

#### 4. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Tổng Văn T phải nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bị cáo Tổng Văn T phải nộp là 350.000 (ba trăm năm mươi nghìn) đồng.

#### 5. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

#### 6. Về thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã SĐ, TP BT (1b);
- UBND Phường F, TP BT (1b);
- Bị cáo, bị hại, NCQLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Ngô Văn Trình**